

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2019/HS-PT

Ngày: 15/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Nguyễn Việt Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thế H do có kháng cáo của bị hại Phan Đình T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **Trần Thế H**, sinh năm 1991; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông, trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim Th, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T, sinh năm 1966; có vợ Phan Thị Nguyệt A, sinh năm 1998 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông **Phan Đình T**, sinh năm 1975. Nơi cư trú : thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 18/12/2018, Trần Thế Hùng với Trần Vương Vũ và Lê Hữu N ngồi nhậu tại nhà của H tại khu phố M, thị trấn P, huyện T. Lúc này ông Phan Đình T là cậu vợ của H, đứng bên nhà T có lời gây gở, cãi nhau với H. H lấy 01 cái rựa chạy qua nhà T, dùng rựa chém trúng vào tay trái của T gây thương tích, tỷ lệ 13%.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, đã tuyên Trần Thế H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điểm đ, Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt: Trần Thế H – 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 18.256.723 đồng, đã bồi thường 4.000.000 đồng, nên phải tiếp tục bồi thường 14.256.723 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2019, bị hại Phan Đình T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa, bị hại Phan Đình T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Trần Thế H vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên và xin Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại – Sửa bản án sơ thẩm, tăng phần bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thế H, tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu là chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 18/12/2018, tại thị trấn P, huyện T. Trong khi cãi vã, Trần Thế H lấy 01 cái rựa chạy sang nhà Phan Đình T, dùng rựa chém trúng tay trái của T gây thương tích, tỷ lệ 13%. Mặc dù, thương tích của người bị hại dưới 31%, nhưng bị cáo sử dụng rựa để gây án, là phạm tội thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm. Nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điểm đ, Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại. Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1] **Về hình phạt:** Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại trái pháp luật, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đề phạt bị cáo 02 năm tù là không nhẹ. Do đó, bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở, nên không chấp nhận, mà chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đã đảm bảo răn đe, giáo dục và ngăn ngừa tội phạm.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Trên cơ sở thương tổn thực thể, xem xét yêu cầu, đối chiếu với các chứng từ hợp lệ và chi phí hợp lý cho việc điều trị thương tích của người bị hại, thấy rằng: Án sơ thẩm có nhiều khoản tiền không chấp nhận hoặc chấp nhận quá thấp, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị hại là có cơ sở; do đó, cấp phúc thẩm tính lại và chấp nhận các khoản như sau: - Tiền viện phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên có hóa đơn, chứng từ hợp lệ: 14.954.482 đồng (Án sơ thẩm không chấp nhận, với lý do người bị hại tham gia bảo hiểm tự nguyện, nên được Bảo hiểm thanh toán là không phù hợp, vì Bảo hiểm không phải là người gây thiệt hại cho bị hại); - Chi phí thuê xe chuyển viện từ Trung tâm y tế huyện T đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên và thuê xe xuất viện về nhà: 400.000 đồng; - Tiền mất thu nhập của người bệnh trong thời gian điều trị từ ngày và trong thời gian phục hồi sức khỏe là 60 ngày x 300.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng; - Tiền công người chăm sóc người bệnh trong thời gian nằm viện là 24 ngày x 200.000 đồng/ngày = 4.800.000 đồng; - Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần được tính bằng 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, tại thời điểm giải quyết là 1.490.000 đồng/tháng x 10 tháng = 14.900.000 đồng; - Tiền khám, chữa bệnh tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, phù hợp với việc điều trị thương tích của bị hại: 1.235.920 đồng; - Chi phí thuê tàu, xe để đi khám, chữa bệnh từ Phú Yên đi Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại 2 lần có hóa đơn, chứng từ hợp lệ: 1.590.000 đồng.

Tổng cộng các khoản phải bồi thường cho anh T là 55.800.400 đồng. Bị cáo đã bồi thường 4.000.000 đồng, nên còn phải bồi thường 51.880.400 đồng.

[3.2] Đối với các khoản: - Tiền mua thuốc tại Đại lý thuốc tây Thuận Thanh: 5.176.000 đồng (không có toa thuốc theo chỉ định của bác sỹ); - Tiền mua vai và nẹp tay: 700.000 đồng (đã được chi trong chi phí điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên); - Tiền xăng người nuôi bệnh: 1.500.000 đồng (đã thuộc khoản tiền công

người chăm sóc người bệnh trong thời gian nằm viện); - Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho người bệnh: 10.000.000 đồng (đã thuộc khoản mất thu nhập trong thời gian phục hồi sức khỏe); là nhưng khoản chi phí không hợp lý, nên không chấp nhận.

[3.2] Đối với khoản tiền phẫu thuật lấy nẹp, người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường là khoản tiền chưa có chi phí thực tế, nên giành quyền khởi kiện cho bị hại bằng vụ kiện dân sự khác, sau khi người bị hại đã chi phí phẫu thuật lấy nẹp.

[4] Do sửa phần bồi thường dân sự, nên án phí dân sự sơ thẩm cũng phải tính lại cho phù hợp, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 51.880.400 đồng x 5% nên phải chịu 2.594.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thế H phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Áp dụng Điểm đ, Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Đình T về phần hình phạt; chấp nhận kháng cáo về phần bồi thường dân sự – Sửa bản án sơ thẩm.

Phạt: Bị cáo Trần Thế H – 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thế H phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Phan Đình T số tiền 55.880.400đ (*Năm mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng*). Bị cáo đã bồi thường 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), nên còn phải bồi thường 51.880.400đ (*Năm mươi một triệu, tám trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị hại Phan Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thế H phải chịu 2.594.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKS tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện T;
- Công an huyện T
- Bị cáo;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Nguyên Tùng

